

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2024/TLST -HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Ngọc H**, sinh năm 1987, địa chỉ: **Đ, Á, T, T, tỉnh Quảng Trị**.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn Á**, sinh năm 1987, địa chỉ: **Tổ B khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị Ngọc H** và anh **Phạm Văn Á**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Đặng Thị Ngọc H** và anh **Phạm Văn Á** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 13/6/2018 của **UBND phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** hết hiệu lực pháp luật).

- **Về con chung:** Giao 02 con chung là **Phạm Minh K**, sinh ngày 13/4/2019 và **Phạm Cát Lam C**, sinh ngày 25/9/2021 cho chị **Đặng Thị Ngọc H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Phạm Văn Á** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2024 cho đến khi các cháu **Phạm Minh K** và **Phạm Cát Lam C** thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Đặng Thị Ngọc H** thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà chị **H** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/2023 số 0000421 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị **H** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- UBND phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Khánh Phương